

Bản án số: **08/2019/HS-ST**
Ngày: 07-5-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Triết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Chót

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Duyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lộc – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Bà Lê Ánh Nguyệt – Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 10/2019/TLST-HS ngày 05 tháng 4 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 751/2019/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 4 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. **Phan Tuấn A;** Tên gọi khác: T, C; Giới tính: Nam; Sinh năm: 1990; Nơi sinh: thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: Số E1/62 ấp 5, xã HL, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: Lớp 9/12; Con ông Lê Văn T2 (chết) và bà Phan Thu H2; sinh năm 1968 (sống); Bị cáo không có A, chị, em ruột; Bị cáo sống chung như vợ chồng với Trần Thị Thúy A2, sinh năm 1990, có 01 người con sinh năm 2016.

- Tiền án: Có 02 tiền án. Cụ thể: 01 tiền án về tội Mua bán trái phép chất ma túy, theo Bản án số: 76/2009/HSST ngày 17/3/2009 của Tòa án nhân dân huyện BC, thành phố Hồ Chí Minh và 01 tiền án về tội Trộm cắp tài sản theo bản án số 07/2017/HSST ngày 24/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện MCN, tỉnh Bến Tre

- Tiền sự: Có 01 tiền sự về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 12/QĐ-XPVPHC ngày 17 tháng 3 năm 2017 của Công an thị trấn P, huyện P.

- Bị bắt, tạm giam vào ngày 23 tháng 01 năm 2019 theo Lệnh bắt bị can để tạm giam số 03 ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P và Quyết định tạm giam số 05/2019/HSST-QĐTG ngày 22/4/2019 của Chánh án Tòa án nhân dân huyện P.

Bị cáo có mặt tại tòa.

2. **Đặng Hoàng V;** Tên gọi khác: không. Giới tính: Nam; Sinh năm 1995; Nơi sinh: thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: số 136, đường CCNH, phường 12, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: Lớp 10/12. Con ông Đặng

Thanh T1; sinh năm 1972 (sống) và bà Huỳnh Quế H; sinh năm 1976 (sống), bị cáo có 02 người em ruột, sinh năm 1998 và 2012; Bị cáo sống chung như vợ chồng với Hà Lê Huỳnh N, sinh năm 1998, chưa có con (khai tại Tòa).

- Tiền án: Không.

- Tiền sự: Có 02 tiền sự về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, theo Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 20/2017/QĐ-TA ngày 24 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bến Tre và Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 56/QĐ-XPHC ngày 24 tháng 9 năm 2018 của Công an xã QĐ, huyện P.

- Bị bắt, tạm giam vào ngày 23 tháng 01 năm 2019, theo Lệnh bắt bị can để tạm giam số 04 ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P và Quyết định tạm giam số 06/2019/HSST-QĐTG ngày 22/4/2019 của Chánh án Tòa án nhân dân huyện P.

Bị cáo có mặt tại tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Đặng Thanh T1, sinh năm 1972. (có mặt)

Nơi cư trú: Số 136, đường CCNH, phường 12, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh.

- Trần Nam P1, sinh năm 1978. (vắng mặt)

Nơi cư trú: Số 221, SVH, phường 9, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh.

Người làm chứng:

- Huỳnh Thị T, sinh năm 1972. Nơi cư trú: Số 105/1, ấp THA, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bến Tre. (vắng mặt)

- Lê Anh B, sinh năm 1949. Nơi cư trú: Số 145/1, ấp THA, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bến Tre. (vắng mặt)

- Võ Văn Đ, sinh năm 1960. Nơi cư trú: Số 81/5, ấp THA, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bến Tre. (vắng mặt)

- Trần Văn N3, sinh năm 1950. Nơi cư trú: Số 175/2, ấp QĐA, xã QĐ, huyện P, tỉnh Bến Tre. (vắng mặt)

- Lê Minh T3, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Số 74/4, ấp QT, xã QĐ, huyện P, tỉnh Bến Tre. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Phan Tuấn A và Đặng Hoàng V là người bị nghiện ma túy, vào khoảng cuối tháng 12 năm 2018, bị cáo Tuấn A đến khu vực chợ HM, thuộc xã XTĐ, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh nhờ người tên T4 (chưa xác định được lý lịch) mua ma túy dùm với số tiền 2.000.000 (Hai triệu) đồng nhằm mục đích sử dụng. Sau khi mua được ma túy, bị cáo Tuấn A đi về thị trấn P, huyện P và thuê nhà nghỉ trọ Lê HN để ở. Tại đây, bị cáo Tuấn A chia nhỏ ma túy ra rồi cho vào bịch nylon hàn kín lại để tiện việc sử dụng.

Đến khoảng 12 giờ 20 phút ngày 17 tháng 01 năm 2019, bị cáo V gọi điện thoại rủ bị cáo Tuấn A đến nhà của bị cáo V thuê ở xã QĐ, huyện P để sử dụng ma túy. Bị cáo Tuấn A liền điều khiển xe mô tô biển số kiểm soát 61L6-6234 mang theo 03 (ba) bịch ma túy đi đến nhà bị cáo V. Đến nơi, bị cáo Tuấn A đưa cho bị cáo V

01 (một) bịch ma túy, bị cáo V lấy ma túy cầm trên tay; 02 (hai) bịch ma túy còn lại bị cáo Tuấn A cất giấu trong túi quần sau bên trái. Ngay sau đó, bị cáo V điều khiển xe mô tô biển số kiểm soát 52U7-2728 chở bị cáo Tuấn A đi đến khu vực đường Xẻo Vườn thuộc ấp QĐA, xã QĐ, huyện P để tìm chỗ sử dụng ma túy thì bị lực lượng Công an phát hiện và bắt quả tang. Thu trên tay của bị cáo V 01 (một) bịch nylon được hàn kín, bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng nghi là ma túy, được niêm phong ký hiệu T1, ghi ngày 17 năm 01 năm 2019; Thu trong túi quần sau bên trái của Phan Tuấn A 02 (hai) bịch nylon được hàn kín, bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng nghi là ma túy, được niêm phong ký hiệu T2, ghi ngày 17 tháng 01 năm 2019.

Qua lời khai của bị cáo Tuấn A, Cơ quan điều tra đã thu giữ tại phòng trọ số 5, Nhà nghỉ trọ Lê HN: 01 (một) bịch nylon được hàn kín ba phía, một phía còn lại có rãnh khép lại, bên trong có chứa 07 (bảy) bịch nylon được hàn kín, bên trong mỗi bịch có chứa tinh thể màu trắng nghi là ma túy, được niêm phong ký hiệu K1, ghi ngày 17 tháng 01 năm 2019; 01 (một) bịch nylon được hàn kín ba phía, phía còn lại có rãnh kéo khép lại, bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng nghi là ma túy, được niêm phong ký hiệu K2, ghi ngày 17 tháng 01 năm 2019; 01 (một) cân điện tử nhãn hiệu Amput; 01 (một) bình thủy tinh hình trụ, chiều cao 10cm, trên miệng bình có gắn ống thủy tinh hình mỏ vịt, dài 12 cm và một đoạn ống nhựa màu trắng dài 19 cm (là bộ dụng cụ dùng để sử dụng ma túy); 01 (một) bóp da màu nâu có dây kéo và 01 (một) bóp da màu đen.

Tại Kết luận giám định số: 12/2019/GĐMT ngày 20/01/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre kết luận: Tinh thể màu trắng đựng trong 01 (một) bịch nylon được niêm phong ký hiệu T1 gửi giám định là ma túy, loại: Methamphetamine, khối lượng: 0,2653 gam; Tinh thể màu trắng đựng trong 02 (hai) bịch nylon được niêm phong ký hiệu T2 gửi giám định là ma túy, loại: Methamphetamine, khối lượng: 0,1817 gam; Tinh thể màu trắng đựng trong 07 (bảy) bịch nylon được niêm phong ký hiệu K1 gửi giám định là ma túy, loại: Methamphetamine, khối lượng: 0,8241 gam; Tinh thể màu trắng đựng trong 01 (một) bịch nylon được niêm phong ký hiệu K2 gửi giám định là ma túy, loại: Methamphetamine, khối lượng: 0,7149 gam.

Quá trình điều tra, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

Về vật chứng của vụ án được thu giữ hiện còn tạm giữ:

- Đối với các phong bì niêm phong có ký hiệu T1, T2, K1, K2 là ma túy loại Methamphetamine còn lại sau giám định; 01 (một) bóp da màu nâu có dây kéo; 01 (một) cái cân điện tử hiệu Amput; 01 (một) bóp da màu đen; 01 (một) bình thủy tinh hình trụ, chiều cao 10cm, trên miệng có gắn một ống thủy tinh hình mỏ vịt, dài 12cm và có một đoạn ống nhựa màu trắng dài 19cm là dụng cụ dùng để cất giấu ma túy và sử dụng ma túy.

- Xe mô tô nhãn hiệu Attila, màu đen, biển số kiểm soát 52U7-2728, số máy M9BED-029107, số khung D-029107 và Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 0478671 do Trần Nam P1, địa chỉ số 221, SVH, phường 9, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh đứng tên chủ sở hữu, quá trình điều tra chứng minh là của bị cáo V dùng làm phương tiện đi lại, sinh hoạt, không liên quan trực tiếp đến vụ án.

- Đối với 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu xanh, loại 105, số sim1 0353735209, số sim2 0763927881 và 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu

Iphone, số sim 0789699116 là của các bị cáo dùng để liên lạc, liên quan đến hành vi phạm tội.

- Đối với số tiền Việt Nam 3.000.000 đồng là của bị cáo Tuấn và số tiền 1.300.000 đồng là của bị cáo V, không liên quan đến vụ án.

- Đối với xe mô tô biển số kiểm soát 61L6-6234 là của ông Nguyễn Văn Hải sinh năm 1981, ở ấp An Điền, xã An Thuận, huyện P, tỉnh Bến Tre cho bị cáo Tuấn A mượn làm phương tiện đi lại, không liên quan đến vụ án. Sau khi bị cáo Tuấn A bị bắt, bà Trần Thị Thúy An (là vợ của Tuấn A) đã đem xe mô tô nói trên trả lại cho ông Hải. Do đó, quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P không tiến hành thu giữ là có căn cứ.

Tại bản cáo trạng số 10/CT-VKS, ngày 02-4-2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P đã truy tố bị cáo Phan Tuấn A, về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); bị cáo Đặng Hoàng V, về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quan điểm cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về trách nhiệm hình sự:

Áp dụng điểm o khoản 2 Điều 249; điểm r, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, 38, 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Phan Tuấn A từ 05 đến 06 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 23/01/2019.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, 38, 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Đặng Hoàng V từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 23/01/2019

- Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS đề nghị:

Tịch thu tiêu hủy: 04 (bốn) phong bì niêm phong ký hiệu T1, T2, K1, K2 có chữ ký ghi tên Nguyễn NM và Lê XN, đóng dấu tròn của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bến Tre (bên trong chứa ma túy); 01 (một) bóp da màu nâu có dây kéo; 01 (một) cái cân điện tử hiệu Amput; 01 (một) bóp da màu đen; 01 (một) bình thủy tinh hình trụ, chiều cao 10cm, trên miệng có gắn một ống thủy tinh hình mỏ vịt, dài 12cm và một đoạn ống nhựa màu trắng dài 19cm (là dụng cụ dùng để sử dụng ma túy);

Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu xanh, loại 105, số sim1 0353735209, số sim2 0763927881; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, số sim 0789689116;

Trả lại cho bị cáo Phan Tuấn A: Tiền Việt Nam 3.000.000 đồng; Trả lại cho bị cáo Đặng Hoàng V: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Attila, màu đen, biển số kiểm soát 52U7-2728, số máy M9BED-029107, số khung D-029107 và Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 0478671 do Trần Nam P1, địa chỉ số 221, SVH, phường 9, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh đứng tên chủ sở hữu và tiền Việt Nam là 1.300.000 đồng.

- Về trách nhiệm dân sự: Không.

Đối với vụ án mua bán trái phép chất ma túy xảy ra tại khu vực chợ HM, xã XTĐ, huyện HM, thành phố Hồ Chí Minh, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an

huyện P đã có văn bản cung cấp thông tin cho Công an xã XTĐ, huyện HM và Công an huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh biết để giải quyết theo thẩm quyền (Bút lục 95).

Đối với bà Huỳnh Thị T (là chủ Nhà nghỉ trọ Lê HN) và Trần Thị Thúy An do không biết việc bị cáo Tuấn A tàng trữ trái phép chất ma túy tại nhà nghỉ trọ nên không xem xét xử lý.

Các bị cáo Phan Tuấn A và Đặng Hoàng V khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của các bị cáo đã thực hiện giống như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố đối với các bị cáo; thừa nhận hành vi của các bị cáo là vi phạm pháp luật, đồng ý với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát nên không tranh luận.

Các bị cáo nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo Phan Tuấn A và Đặng Hoàng V đã thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố, lời khai nhận tội của các bị cáo là hoàn toàn phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như: biên bản bắt người phạm tội quả tang; biên bản xét nghiệm chất ma túy; biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ; lời khai của bị cáo; người làm chứng; kết luận giám định... tại các bút lục 23 đến 27; 36, 37, 43, 44, 128, 129, 136, 137, 144, 145, 152, 153, 160, 161, 200 đến 203, 216, đến 221; 331 đến 334; 343 đến 348; 367 đến 370. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Xuất phát từ thái độ xem thường pháp luật nên bị cáo Phan Tuấn A đã mua ma túy đem về tàng trữ để sử dụng trái phép. Vào khoảng 12 giờ 50 phút ngày 17 tháng 01 năm 2019 tại khu vực ấp QĐA, xã QĐ, huyện P, tỉnh Bến Tre, trong khi bị cáo Tuấn A cất giấu trên người trái phép 0,1817 gam ma túy, loại Methamphetamine; bị cáo Đặng Hoàng V cất giấu trên người trái phép 0,2653 gam ma túy, loại Methamphetamine, mục đích sử dụng cho bản thân thì bị lực lượng Công an phát hiện bắt quả tang. Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của bị cáo Tuấn A, tại phòng trọ số 5, nhà nghỉ trọ Lê HN ở ấp THA, thị trấn P, huyện P, Cơ quan điều tra đã thu giữ 1,5390 gam ma túy, loại Methamphetamine, đây là số ma túy Tuấn A tàng trữ nhằm mục đích sử dụng cho bản thân. Tổng khối lượng ma túy mà bị cáo Phan Tuấn A tàng trữ trái phép là 1,9860 gam, loại Methamphetamine; khối lượng ma túy mà bị cáo Đặng Hoàng V tàng trữ trái phép là 0,2653 gam, loại Methamphetamine.

Hành vi mà các bị cáo đã thực hiện và khai nhận tại phiên tòa hôm nay là trái pháp luật, nguy hiểm đáng kể cho xã hội, vi phạm quy định của Nhà nước về tàng trữ các chất ma túy nêu trên nhưng các bị cáo đã mua ma túy về cất giấu nhằm mục đích sử dụng cho bản thân. Vì vậy, Cáo trạng số 10/CT-VKS, ngày 02-4-2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P truy tố bị cáo Phan Tuấn A, về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); bị cáo Đặng Hoàng V, về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của các bị cáo: hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội vì hành vi này đã trực tiếp xâm hại đến chế độ quản lý các chất ma túy của Nhà nước ta. Thực hiện hành vi vi phạm chế độ này không chỉ gây khó khăn cho việc kiểm soát chất ma túy của Nhà nước mà còn góp phần tạo ra một lớp người nghiện, qua đó đe dọa nghiêm trọng đến an toàn, trật tự công cộng, sức khỏe và sự phát triển lành mạnh, ảnh hưởng xấu đến nhiều mặt khác của đời sống xã hội, là nguyên nhân phát sinh một số loại tội phạm trên địa bàn huyện.

Các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng do tính xem thường pháp luật, vì nhu cầu nghiện hút của mình mà các bị cáo đã bất chấp tất cả, sẵn sàng thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Các bị cáo là thanh niên trẻ, có sức khỏe, đáng lẽ ra phải tích cực lao động để tạo ra của cải, vật chất để nuôi sống bản thân và gia đình... nhưng các bị cáo đã không làm được như vậy mà bất chấp tất cả, mua ma túy sử dụng trái phép cho bản thân, tự đưa bản thân vào con đường nghiện ngập dẫn đến phạm tội như ngày hôm nay. Hành vi của các bị cáo đã thể hiện tính xem thường pháp luật của các bị cáo. Do đó, cần thiết phải xử lý thật nghiêm để răn đe, giáo dục các bị cáo thành công dân tốt.

Xét về vai trò của các bị cáo trong vụ án: Bị cáo Tuấn A có vai trò chính, bị cáo phạm tội với tính chất, mức độ nghiêm trọng hơn. Bị cáo đã chủ động trong việc tìm mua ma túy, cất giấu ma túy để nhằm mục đích sử dụng trái phép, chính bị cáo đã đem ma túy đến nhà và đưa cho bị cáo V cất giấu một phần ma túy. Ngoài ra, bị cáo Tuấn A phạm tội trong trường hợp tái phạm nguy hiểm, đây là tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, trách nhiệm hình sự mà bị cáo Tuấn A phải gánh chịu có phần nghiêm khắc hơn bị cáo V.

Đối với bị cáo V, do bị cáo V bị nghiện ma túy nên vào ngày 17/01/2019 đã gọi điện thoại kêu bị cáo Tuấn A đem ma túy đến để cùng sử dụng. Khi bị cáo Tuấn A đến và đưa ma túy cho bị cáo V cất giữ, mặc dù biết rõ là ma túy nhưng bị cáo V vẫn cất giữ với mục đích nhằm sử dụng trái phép. Do đó, hành vi của bị cáo V đã phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tuy nhiên, xét tính chất, mức độ hậu quả của tội phạm và vai trò của bị cáo V trong vụ án có phần mờ nhạt hơn bị cáo Tuấn A nên hình phạt áp dụng đối với bị cáo V nhẹ hơn.

[4] Về áp dụng hình phạt đối với các bị cáo: các bị cáo có nhân thân không tốt. Tính đến thời điểm thực hiện hành vi phạm tội này, các bị cáo chưa được xem là xóa tiền án, tiền sự. Hơn ai hết các bị cáo phải hiểu rõ quy định của pháp luật đối với hành vi cấm tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma túy vì tác hại của nó đối với sức khỏe của bản thân các bị cáo, của cộng đồng xã hội và là hành vi vi phạm pháp luật, phải lấy đó làm bài học kinh nghiệm cho bản thân để tránh xa ma túy mà trái lại, chỉ vì mục đích thỏa mãn nhu cầu nghiện hút của bản thân mà các bị cáo đã bất chấp tất cả, sẵn sàng lao vào con đường phạm tội. Do đó, các bị cáo phải gánh chịu trách nhiệm hình sự do chính hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra.

[5] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: các bị cáo không gánh chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại tòa hôm nay các bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, ăn năn hối cải. Đây là các các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015(sửa đổi, bổ sung năm 2017). Ngoài ra, đối với bị cáo Tuấn A, sau khi bị phát hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã tự thú tự nguyện khai báo và chỉ chỗ cất giấu số ma túy mà bị cáo đã tàng trữ trái phép, cơ quan điều tra đã tiến hành khám xét và thu giữ được vật chứng của vụ án tại nhà nghỉ trọ HN. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại Điểm r Khoản 1 Điều 51 BLHS (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[7] Về áp dụng hình phạt bổ sung: do hiện tại các bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[8] Về áp dụng biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS:

- Tịch thu tiêu hủy: 04 (bốn) phong bì niêm phong ký hiệu T1, T2, K1, K2 có chữ ký ghi tên Nguyễn NM và Lê XN, đóng dấu tròn của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bến Tre (bên trong chứa ma túy); 01 (một) bóp da màu nâu có dây kéo; 01 (một) cái cân điện tử hiệu Amput; 01 (một) bóp da màu đen; 01 (một) bình thủy tinh hình trụ, chiều cao 10cm, trên miệng có gắn một ống thủy tinh hình mở vẹt, dài 12cm và một đoạn ống nhựa màu trắng dài 19cm (là dụng cụ dùng để sử dụng ma túy);

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu xanh, loại 105, số sim1 0353735209, số sim2 0763927881; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, số sim 0789689116;

- Trả lại cho bị cáo Phan Tuấn A: Tiền Việt Nam 3.000.000đồng; Trả lại cho bị cáo Đặng Hoàng V: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Attila, màu đen, biển số kiểm soát 52U7-2728, số máy M9BED-029107, số khung D-029107 và Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 0478671 do Trần Nam P1, địa chỉ số 221, SVH, phường 9, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh đứng tên chủ sở hữu và tiền Việt Nam là 1.300.000đồng.

Đối với vụ án mua bán trái phép chất ma túy xảy ra tại khu vực chợ HM, xã XTĐ, huyện HM, thành phố Hồ Chí Minh, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P đã có văn bản cung cấp thông tin cho Công an xã XTĐ, huyện HM và Công an huyện HM, thành phố Hồ Chí Minh biết để giải quyết theo thẩm quyền.

Đối với bà Huỳnh Thị T (là chủ Nhà nghỉ trọ Lê HN) và Trần Thị Thúy A do không biết việc bị cáo Tuấn A tàng trữ trái phép chất ma túy tại nhà nghỉ trọ nên không xem xét xử lý.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm mỗi bị cáo phải nộp theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí của Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng điểm o khoản 2 Điều 249; điểm r, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, 38, 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố: bị cáo Phan Tuấn A phạm “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Phan Tuấn A 06 (sáu) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 23/01/2019.

2. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, 38, 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố: bị cáo Đặng Hoàng V phạm “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Đặng Hoàng V 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 23/01/2019.

3. Về áp dụng các biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 xử lý vật chứng hiện đang được tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P theo Quyết định chuyển vật chứng số 07/QĐ-VKS ngày 03-4-2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P như sau:

- Tịch thu tiêu hủy: 04 (bốn) phong bì niêm phong ký hiệu T1, T2, K1, K2 có chữ ký ghi tên Nguyễn NM và Lê XN, đóng dấu tròn của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bến Tre (bên trong chứa ma túy); 01 (một) bóp da màu nâu có dây kéo; 01 (một) cái cân điện tử hiệu Amput; 01 (một) bóp da màu đen; 01 (một) bình thủy tinh hình trụ, chiều cao 10cm, trên miệng có gắn một ống thủy tinh hình mỏ vịt, dài 12cm và một đoạn ống nhựa màu trắng dài 19cm (là dụng cụ dùng để sử dụng ma túy);

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu xanh, loại 105, số sim1 0353735209, số sim2 0763927881; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, số sim 0789689116;

- Trả lại cho bị cáo Phan Tuấn A: Tiền Việt Nam 3.000.000 đồng; Trả lại cho bị cáo Đặng Hoàng V: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Attila, màu đen, biển số kiểm soát 52U7-2728, số máy M9BED-029107, số khung D-029107 và Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 0478671 do Trần Nam P1, địa chỉ số 221, SVH, phường 9, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh đứng tên chủ sở hữu và tiền Việt Nam là 1.300.000 đồng.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí của Tòa án buộc mỗi bị cáo Tuấn A và Hoàng V phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

Trong thời hạn mười lăm ngày tính từ ngày tuyên án sơ thẩm bị cáo được quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình, do người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nên thời hạn kháng cáo được tính từ khi nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Công an huyện P;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Sở tư pháp tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
(đã ký và đóng dấu)

Hồ Thị Triết